CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bao bì Biên Hòa

Ngày 30/09/2025	51,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.6%	**-**	**-5.6%**

DT thuần
Q3/25
372
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -2.2%
YoY: ▼2.00| -0.7%

LN thuần
Q3/25
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.8| -96.4%
YoY: ▼16.9| -96.6%

LN sau thuế
Q3/25
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.5| -103%
YoY: ▼14.3| -102%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.6%
YoY: +/-▼ 3.9%

ROE (TTM)
Q3/25
6.1%
YoY: +/-▼ 1.7%

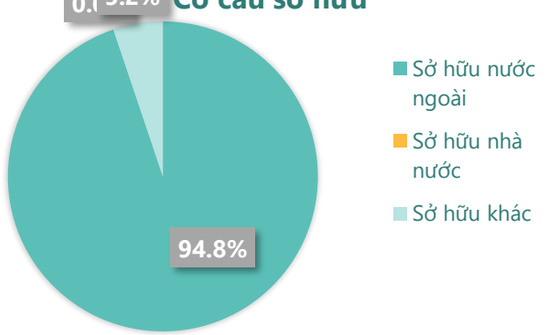
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,950 - 69,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	666
Số lượng CPLH (CP)	12,832,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	705
Sở hữu nước ngoài	94.8%
Beta	(0.23)
EPS	4,172
P/E	12.4

DT thuần
9T 2025
1,107
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0| 2.0%

LN thuần
9T 2025
35.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.9| -41.1%

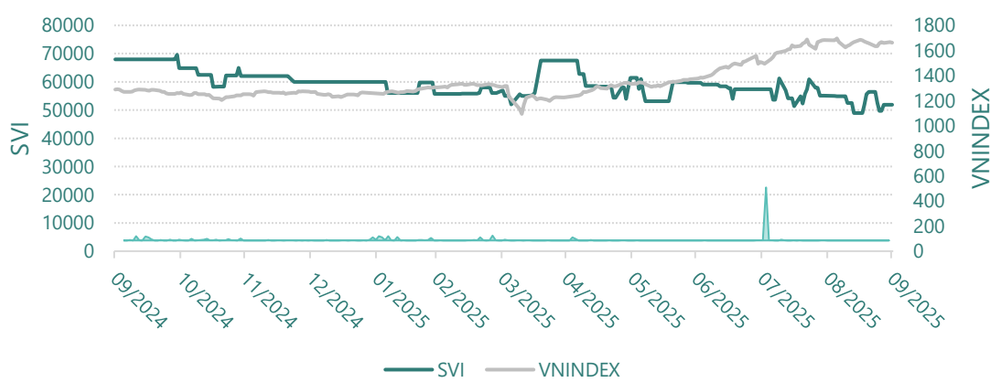
LN sau thuế
9T 2025
25.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.4| -46.6%

Cơ cấu sở hữu

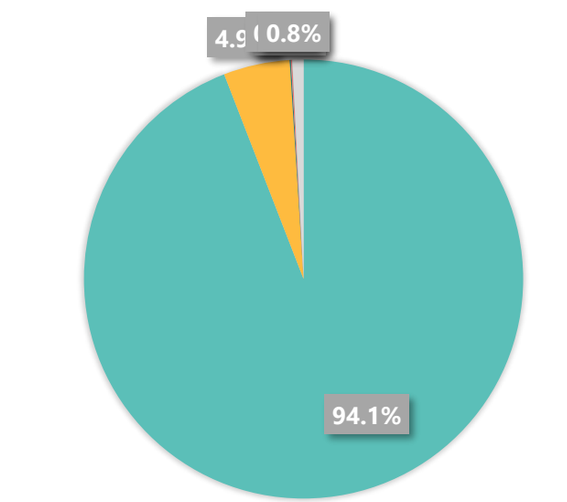


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



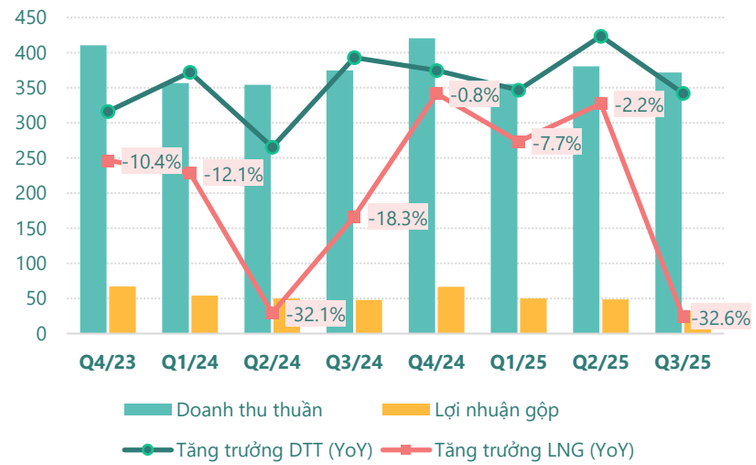
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

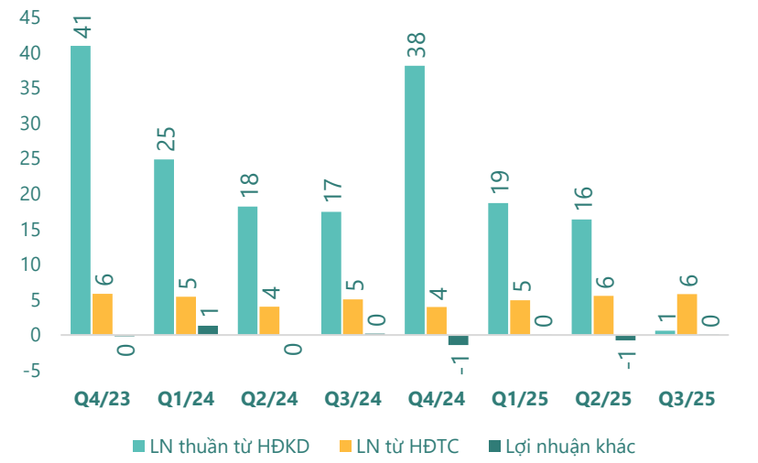
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



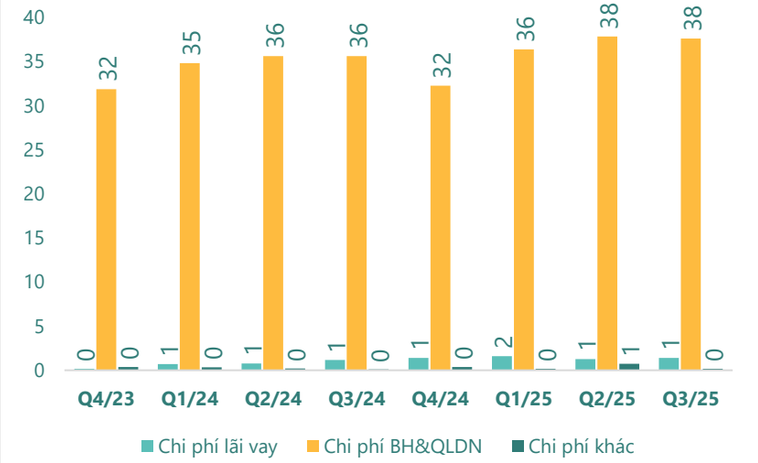
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



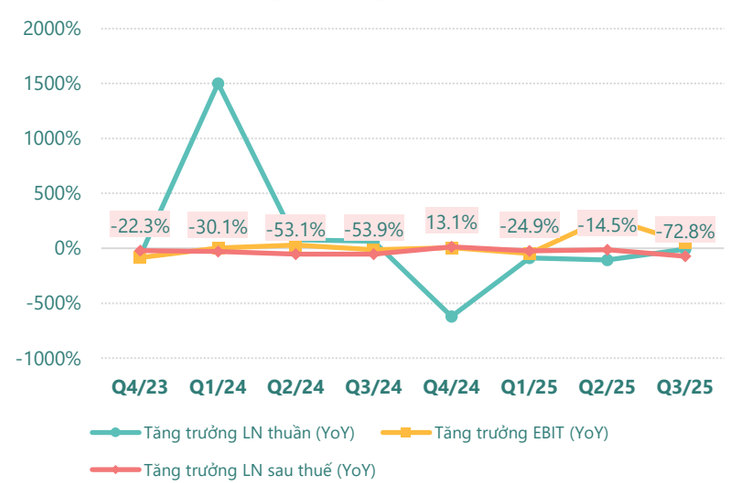
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



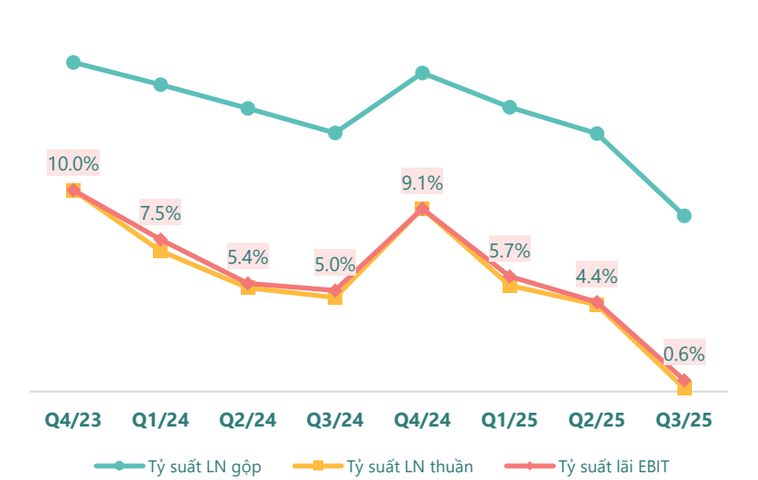
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



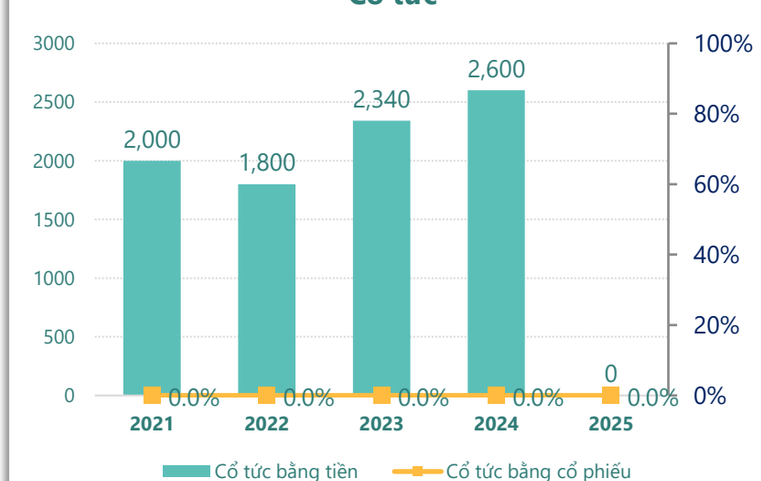
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

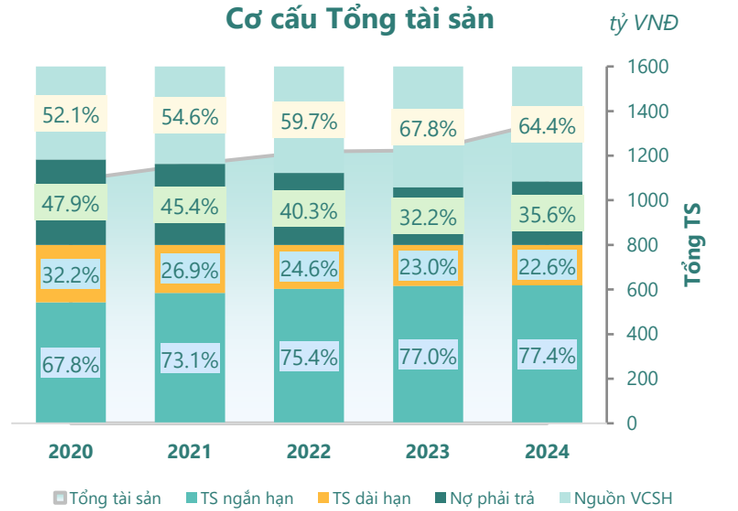
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

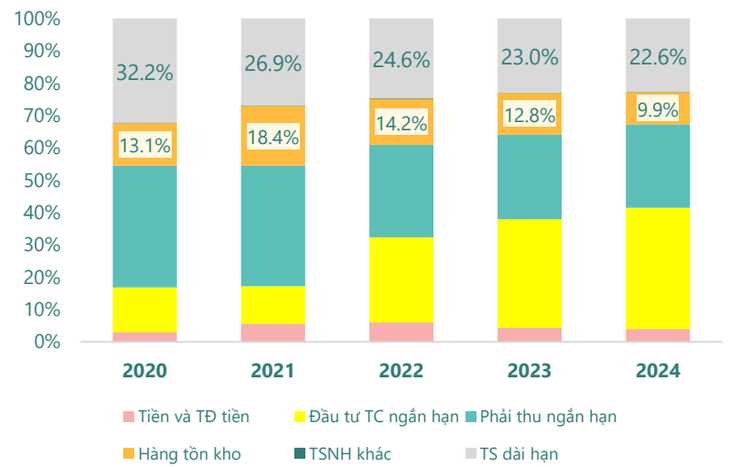
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



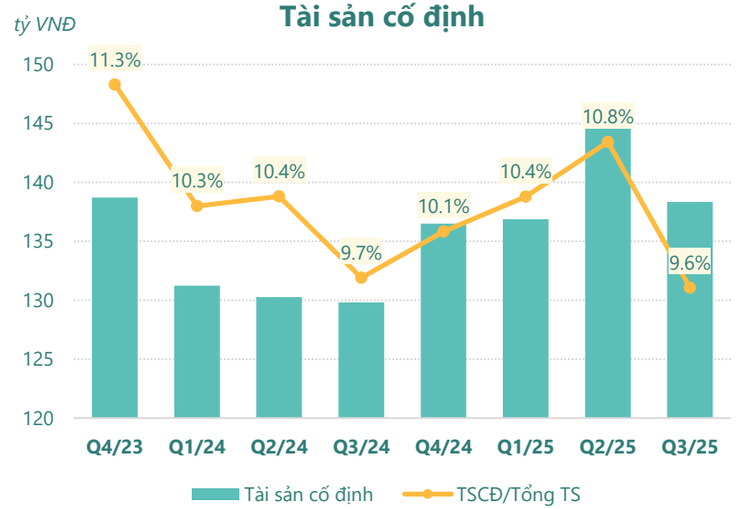
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



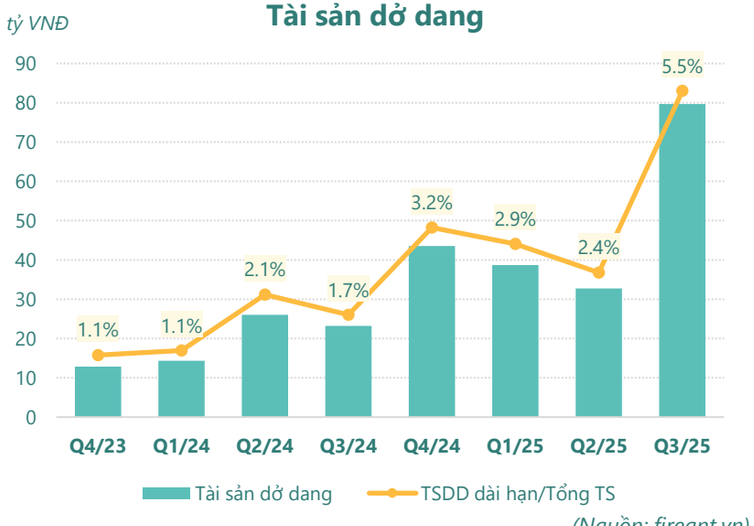
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



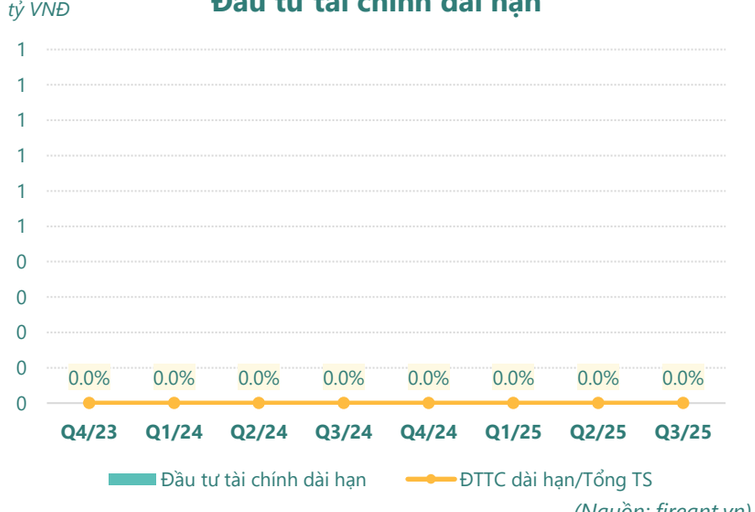
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



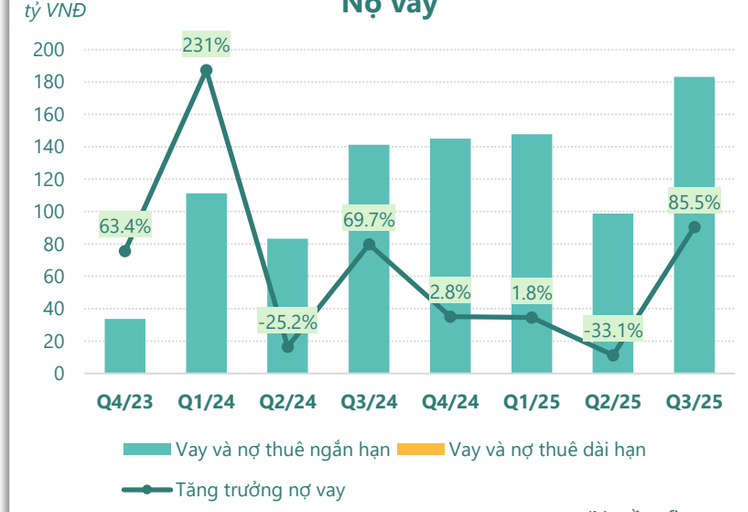
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

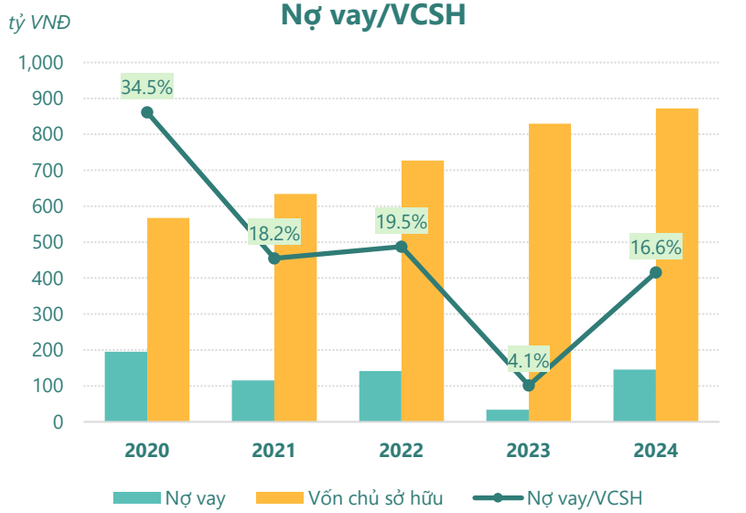
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

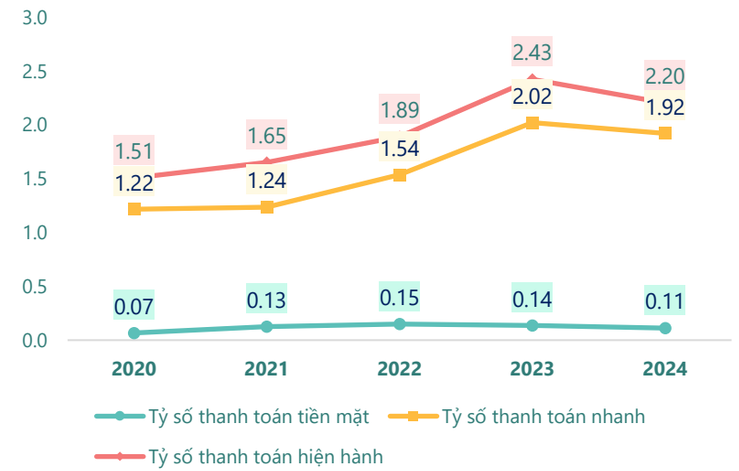
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



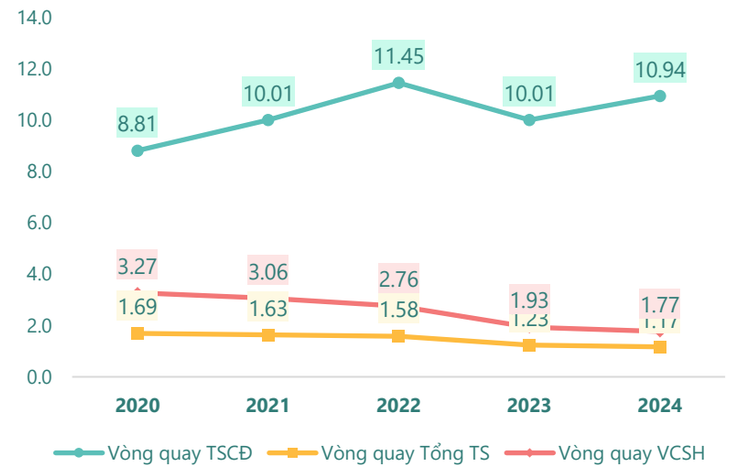
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



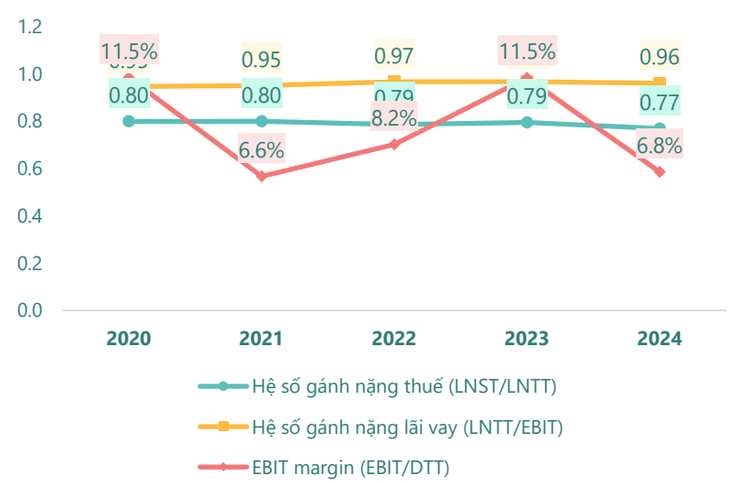
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



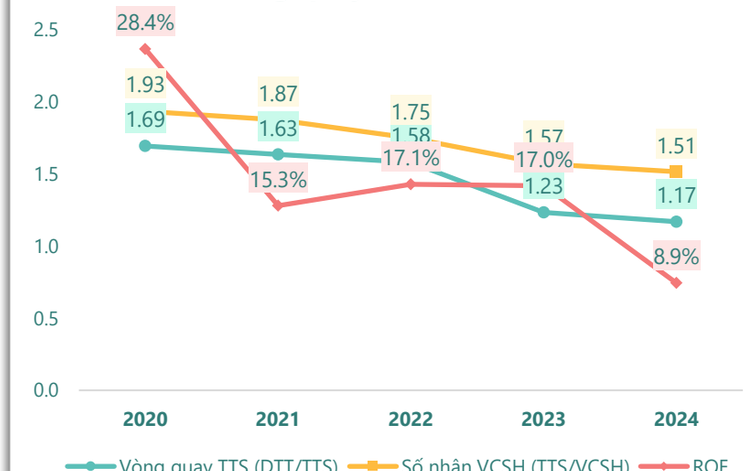
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



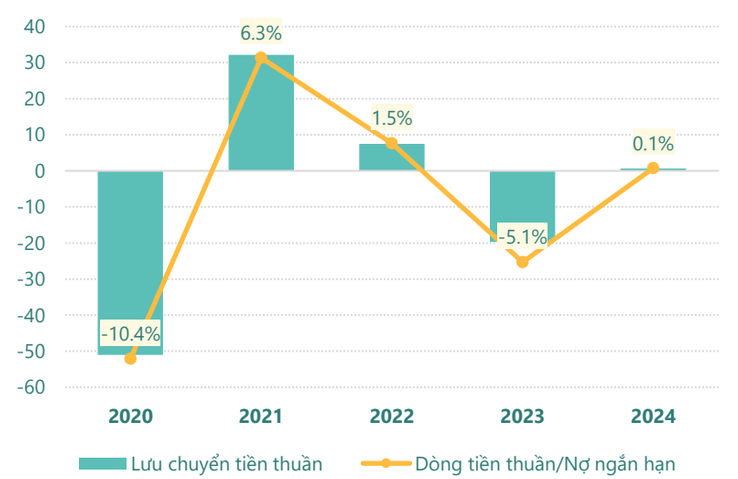
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**372**	**374**	**-0.7%**	**1,107**	**1,085**	**2.0%**
Giá vốn hàng bán	339	326	4.0%	976	933	4.6%
Lợi nhuận gộp	32.4	48.1	-32.6%	131	152	-13.8%
Doanh thu HĐTC	7.26	5.84	24.4%	21.0	17.4	20.8%
Chi phí TC	1.47	0.81	81.1%	4.74	2.92	62.1%
Chi phí lãi vay	1.41	1.15	22.6%	4.28	2.64	62.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.0	23.7	5.7%	76.4	71.6	6.7%
Chi phí QLDN	**12.6**	**12.0**	**4.7%**	**35.5**	**34.5**	**2.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.60	17.5	-96.6%	35.7	60.6	-41.1%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**0.18**	**-50.0%**	**-0.65**	**1.49**	**-144%**
LN trước thuế	0.69	17.6	-96.1%	35.0	62.1	-43.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.30**	**14.0**	**-102%**	**25.7**	**48.1**	**-46.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.30**	**14.0**	**-102%**	**25.7**	**48.1**	**-46.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.3	-7.16	17.9	19.6	71.9	23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.6	-47.7	-14.2	-13.3	-46.3	-99.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-61.4	58.0	3.91	2.56	-48.9	84.4
Tiền đầu kỳ	39.2	43.0	45.9	53.8	62.7	39.4
Lưu chuyển tiền thuần	**3.57**	**3.12**	**7.58**	**8.89**	**-23.4**	**8.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.19	-0.19	0.19	0	0.10	-0.10
Tiền cuối kỳ	43.0	45.9	53.6	62.7	39.4	48.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,440**	**1,354**	**6.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,098	1,047	4.9%
Tiền và tương đương tiền	48.1	53.8	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	501	507	-1.3%
Phải thu ngắn hạn	454	350	29.7%
Hàng tồn kho	90.9	134	-32.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.05	2.56	97.8%
Tài sản dài hạn	**342**	**306**	**11.6%**
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản cố định	138	136	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	79.7	43.5	83.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**124**	**126**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	542	481	12.6%
Nợ ngắn hạn	**536**	**475**	**12.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	145	26.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	306	282	8.3%
Nợ dài hạn	5.90	6.15	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**898**	**872**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**898**	**872**	**2.9%**
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)